**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

**TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG 2**

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM LỚP MẦM 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT** | | | |
| **I. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC** | | | |
| - Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.  - Trẻ thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.  - Trẻ có tố chất vận động : nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ trong thực hiện bài tập tổng hợp.  - **Trẻ thực hiện và phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động**  - **Trẻ có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.**  - **Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.** | | | |
| **II. NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC** | **CÁC HÌNH THỨC GIÁO DỤC** | | |
| **GIỜ HỌC** | **SINH HOẠT** | **CHỦ ĐỀ - SỰ KIỆN LỄ HỘI** |
| **A) PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG :**  **1. Trẻ thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp** | **1.Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ .**  Thực hiện đủ các động tác thể dục theo hướng dẫn: Tay, lưng - bụng - lườn, chân, bật. | **1.Trẻ thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.**  Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.  - Hô hấp: Hít vào, thở ra.  - Tay:  **+ Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực.**  - Lưng, bụng, lườn:  **+ Cúi gập người về phía trước**  - Chân:  **+ Bước lên phía trước.**  - Bật tại chỗ. |  |
| **2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận  động.** | **2. Trẻ thể hiện kỹ năng vận động**  **cơ bản và các tố chất trong vận động**  *2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:*  - Đập, ném, chuyền, bật:  **+ Ném đích nằm ngang.**  **+ Đập bóng liên tục 2 -> 3 lần**  **+ Tung bắt bóng với cô.** | **2. Trẻ thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động**  *2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:*  *\* Tung bắt bóng với cô.*  *- Chạy tiếp sức.* |
|  |  | *2.3. Phối hợp tay - mắt trong vận động.*  - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liền không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m).  **- Tự đập - bắt bóng được 3 lần liền (đường kính bóng 18cm).** |  |
| **3. Trẻ thực hiện các cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt**  **và sử dụng một số đồ**  **dùng, dụng cụ.** |  | **3. Trẻ thực hiện các cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt  và sử**  **dụng một số đồ dùng, dụng cụ.**  *3.1. Thực hiện được các vận động:*  **- Xếp chồng các hình khối khác nhau.**  **- Cắt đoạn thẳng** |  |
| **B /GIÁO DỤC DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE.**  **1. Trẻ nhận biết một số món ăn, thực phẩm và ich lợi của chúng đối với sức khỏe.** | **1. Trẻ nhận biết một số món ăn, thực phẩm và ich lợi của chúng đối với sức khỏe**. | **1. Trẻ nhận biết một số món ăn, thực phẩm và ich lợi của chúng đối với sức khỏe.** |  |
|  | **1.2 Biết tên một số món ăn hằng ngày** |  |
| **2. Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ đơn giản trong sinh hoạt dưới sự giúp đỡ của người lớn.** | **2. Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ đơn giản trong sinh hoạt dưới sự giúp đỡ của người lớn.**  2.1. Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.  **- Rèn kĩ năng rửa tay-**  **- Rèn kĩ năng chải răng**  **- Biết giữ gìn đồ dùng cá nhân.**  **- Biết chăm sóc cây xanh.** | **2. Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ đơn giản trong sinh hoạt dưới sự giúp đỡ của người lớn.**  2.1. Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.  **- Làm quen cách đánh răng.**  **- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.**  **- Rửa tay bằng xà phòng.**  **- Lau mặt .**  **- Cởi quần, áo** |  |
| **3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe.** |  | **3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe.**  3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở.  **- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.** |  |
|  |  | 3.2 Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.  **- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trờ lạnh, đi dép, giày khi đi học** |  |
| **4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh** | **4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.** | **4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh** |  |
|  | 4.3 Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.  **- Không tự lấy thuốc uống.**  **- Không nghịch các vật sắc nhọn**  **- Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp** |  |